

ĐÀNG TRONG THỜI CHÚA NGUYỄN

Alexis Marie de Rochon

Nguyễn Duy Chính dịch*

Lời người dịch

Tác giả Alexis Marie de Rochon sinh tại Brest (Finistère) ngày 21 tháng 2 năm 1741, chết tại Paris ngày mồng 5 tháng 4 năm 1817, được ghi nhận như một thiên văn gia (astronome) và cũng là một nhà hàng hải (navigateur). Năm 1765, ông được đề cử vào Hải học viện Hoàng gia Pháp tại Brest và năm 1767, hội viên của Hàn lâm viện Khoa học.

Phần chúng tôi dịch là bản tiếng Anh trích từ cuốn *A Voyage to Madagascar and the East Indies* do G. G. J. and J. Robinson, Paternoster-Row in tại London năm 1792, từ trang 381 đến trang 414 [dịch từ nguyên bản tiếng Pháp không nói rõ là bản nào nhưng một ấn bản khác in năm 1793 thì ghi là do Joseph Trapp dịch]. Chúng tôi sử dụng bản tiếng Anh và đối chiếu lại với bản tiếng Pháp nhan đề *Voyage à Madagascar, a Maroc et aux Indes Orientales* [gồm 3 tập ấn hành tại nhà in riêng của Prault và Levrault, Paris năm 1801], phần miêu tả về Đàng Trong (Cochinchine) ở tập I, từ trang 289 đến trang 313.

Cho đến đầu thế kỷ thứ X, miền Bắc hiện giờ vẫn còn là một bộ phận của Trung Hoa. Chính vì thế, những viễn khách khi đặt chân đến vùng bán đảo Đông Dương - tức Indochine sau này - chỉ nhắc tới một vùng đất nằm ở phía nam nước Tàu mặc dù lãnh thổ mà họ miêu tả có thể là một bộ phận của nước ta hôm nay.

Cứ theo cuốn *Thư mục về những chuyến du hành đến Đông Dương thuộc Pháp từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ XIX* của Antoine Brébion⁽¹⁾ thì ngay từ cuối thế kỷ thứ IX đã có nhiều thương nhân từ Trung Đông và Địa Trung Hải sang buôn bán, ghi chép lại về vùng đất hiện nay là Cambodia và Nam Trung Việt. Trong sách vở của người Ả Rập còn nhắc đến những tên Senf (Siampa), Komar (Khmer), Mondjah, Mabed, Moujah..., có khi thêm cả bản đồ và hình vẽ. Tuy nhiên, những chi tiết trong các tài liệu này thường viết chung chung, không phân biệt vùng nào với dân nào nên những điều được ghi nhận có thể chỉ là những điều rất cục bộ.

Đến thời Trung Cổ người ngoại quốc đặt chân đến Đàng Trong đã khá đông và việc ghi chép về vùng Đông Nam Á tương đối phong phú. Vì nhu cầu buôn bán, truyền giáo và chinh phục thuộc địa, những báo cáo đó được sử dụng trong những nghiên cứu để soạn thảo kế hoạch. Chính vì thế, những ký sự này luôn luôn được dịch ngay ra nhiều thứ tiếng khác nhau, các chi tiết (có khi không chính xác) cũng được lập đi lập lại trong nhiều tài liệu.

Ở thế kỷ XVII, tuy Nam Hà đã hoàn toàn thuộc quyền cai trị của chúa Nguyễn (mặc dầu phần lớn khu vực núi non vẫn do những tiểu vương cai trị tương đối độc lập), đời sống và sinh hoạt của quần chúng vẫn theo những tập quán địa phương lắm khi rất khác biệt với ngày nay. Đàng Trong là một vương quốc có nhiều hoạt động ngoại thương với bên ngoài, với Trung Hoa, với các quốc gia Đông Nam Á và cả với Nhật Bản. Vì vị trí địa lý thuận tiện đó, việc du nhập văn hóa cũng thuận tiện hơn nên có thêm một số giáo sĩ tới giảng đạo và tàu buôn Tây phương cập bến.

* California, Hoa Kỳ.

Những du khách đến nước ta vì thế giống như người sờ voi, một phần vì họ chỉ ở lại một thời gian ngắn, phần khác họ chỉ biết qua về một vài địa phương họ đặt chân đến, những chi tiết khác thường thu nhặt qua thương nhân hay những nhà truyền giáo mà họ gặp nên luôn luôn phải được sàng lọc và thẩm định một cách kỹ lưỡng. Một miêu tả chẳng hạn “Đàn bà không kín đáo lắm, ở trần cho đến nửa thân trên, và họ thường tắm ở nơi công cộng, không khách sáo trước mắt mọi người” hơi lạ lẫm nhưng đối chiếu với một số tài liệu thì có vẻ như dân chúng thời đó sống lẫn lộn nhiều sắc tộc, mỗi giống dân một khác. Chính vì thế, một mặt chúng ta có được những hình ảnh của người đàn bà Nam Hà ăn mặc khá giống ngày nay trong một số ký họa của William Alexander khi ông theo phái đoàn Macartney sang Trung Hoa (John Barrow, *A Voyage to Cochinchina in the years of 1792 and 1793*) [xem tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1 (54). 2006] hay của John Crawford trong *Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochinchina* (1828), mặt khác cũng tìm thấy những hình ảnh và miêu tả tương đối cởi mở hơn, khoáng đạt hơn có vẻ thuộc giống Nam Á mà đến nay vẫn còn thấy ở một số hải đảo Thái Bình Dương.

Tuy miêu tả về sinh hoạt của người Việt chỉ là những nhận xét hời hợt nhưng tổng kết những điều mắt thấy tai nghe của nhiều giới khác nhau, chúng ta cũng phần nào hình dung được xã hội cách đây ba thế kỷ.

Miêu tả về Đàng Trong

Vương quốc Đàng Trong⁽²⁾ [Cochinchina] kéo dài khoảng 150 dặm⁽³⁾ [lieues], từ bắc vĩ tuyến 11 đến bắc vĩ tuyến 17. Phía bắc giáp Đàng Ngoài [Tonquin], phía nam giáp Chiêm [Ciampa] và Cam bát [Camboja], phía đông là Ấn Độ Dương [thực ra là Thái Bình Dương], còn phía tây là vương quốc Lào cùng một giống người man rợ gọi là Kẻ Mọi [Kemouys]. Vùng rộng nhất của nước này không quá 12 hay 15 dặm [lieues].

Vương quốc chia làm 11 tỉnh, phía bắc có 4 tỉnh là Định Nhất [Dinheat], Quảng Bình [Quambing], Định Nhì [Dinhgnoe], và Huế. Huế được gọi là kinh thành, và kinh đô cũng có cùng cái tên đó. Miền nam có 7 tỉnh là Chàm [Quảng Nam], Quảng Nghĩa [Quangzhia], Qui Nhơn [Quinhin], Phú Yên [Fouyen], Phan Rí-Phan Rang [Fanriphanrang], Nanlang [?], và Bounay [?]. Tỉnh sau cùng mới chinh phục gần đây của Cam bát.

Huế, tỉnh đẹp nhất trong mọi nơi, là kinh thành nơi vua vương quốc Đàng Trong ở. Trong khoảng 60 năm nay, từ khi Đàng Trong và Đàng Ngoài phân cách, kinh thành không có một dinh thự nào tráng lệ hơn cung điện nhà vua và một số ngôi chùa, phần còn lại kiến trúc rất tẻ nhạt. Kinh đô này nằm gần một con sông lớn và đẹp, trước đây rất sâu nên thuyền chở nặng có thể qua lại nhưng năm, sáu năm trước bị một trận lụt lớn nên nhiều cồn cát đóng ở cửa sông thành thử hiện nay chỉ thuyền nhỏ mới vào được.

Thành phố Huế có những sông đào cắt ngang theo kiểu Trung Hoa để có thể giao thông hay chuyên chở hàng hóa, và tiện lợi cho dân chúng ở đông đúc, không chịu nổi nóng nực mùa hè nên thường là phải tắm hai ba lần một ngày. Nhà vua giữ một đạo quân từ 12 đến 15.000 người phòng ngự cung điện, vừa bảo vệ hoàng gia, vừa giữ nước; và gần 300 chiến thuyền mà vào thời chiến được dùng để di chuyển lính từ nơi này sang nơi khác, còn

thời bình thì để cho quốc vương du ngoạn vì chưng ngài không bao giờ ra khỏi kinh thành mà không đi thuyền.

Những thuyền ngự mà quốc vương dùng đều cực đẹp, được sơn son thếp vàng, nhất là thuyền dành cho cung tần mà khi ngài đi đâu đều có một số theo hầu. Tiểu vương này còn nuôi khoảng 400 con voi chiến và số lượng voi này nói lên sức mạnh của vương quốc.

Triều đình Cochinchina theo chế độ quân chủ. Quốc vương là chủ tể của toàn bộ đất nước, mà ngài cai trị với sự phụ tá của bốn phụ chính [minister], hai người gọi là tả [nội và ngoại], hai người gọi là hữu [nội và ngoại]. Những viên đại thần này có quyền cất đặt mọi quan chức, văn cũng như võ.

Mỗi tỉnh được đặt dưới quyền một viên trấn thủ, chỉ huy cả quân đội lẫn hành chánh, tư pháp. Trong tỉnh Phan Rí - Phan Rang thì viên trấn thủ được gọi là phó vương [?].⁽⁴⁾ Quân đội chia ra làm hai ngành: thủy và lục quân, mỗi ngành lại chia thành nhiều doanh.

Quân túc vệ [bảo vệ vua] bao gồm những người thiện chiến nhất trong vương quốc, đội quân ưu tú nhất được phân biệt bằng danh hiệu "*kim đao*" [golden sabres]. Người trong đội này được tuyển lựa từ những đội quân khác, đã khỏe lại can trường, và do đó cũng nhiều uy quyền nhất. Quốc vương đang tại vị lên ngôi từ năm 1744, vì vua thứ chín cai trị Đàng Trong sau khi tách ra khỏi Đàng Ngoài, là một thanh niên 30 tuổi, cao và đẹp.⁽⁵⁾ Lúc trước vua chỉ có danh hiệu là chúa nhưng đến tháng 4 năm đó ông lên ngôi vua.⁽⁶⁾ Sở dĩ ông dám tiến hành bước này chính vì miền Bắc sau 6 năm loạn lạc đã suy sụp rất nhiều. Cho đến lúc đó, ông vẫn phải chịu nhận danh hiệu chúa, e ngài rằng có thể bị Đàng Ngoài tấn công vì vua [Lê] vẫn được coi như là vua của cả Nam Hà.

Thuế má

Quốc vương Nam Hà có rất nhiều vàng và tiền của, thường chất đầy mấy kho. Sở dĩ nhà vua giàu có như thế vì thần dân đóng thuế từ khi 19 tuổi đến lúc 50. Thuế thân nhiều hay ít tùy theo sức khỏe và tình trạng [kinh tế] của từng người. Cứ ba năm một lần, viên trấn thủ của mỗi tỉnh lập một sổ bộ liệt kê tất cả mọi người đã đủ tuổi chịu thuế theo luật định.

Để ông ta có thể làm được việc này, các xã trưởng cẩn thận lập một danh sách, đem một bản sao lên trình cho viên trấn thủ, ông này sẽ hẹn một ngày để tất cả những ai có tên sẽ phải trình diện. Những người đó sẽ phải cởi hết quần áo từ đầu đến chân, viên quan sẽ cho lính khám xét, người nào vạm vỡ cân đối, người nào làm việc được, thì phải đánh thuế cao hơn những người khác yếu đuối hay kém sức khỏe khó có thể sinh nhai.

Thuế đó sẽ được nạp vào trong kho của nhà vua được dùng để trả cho mỗi người [quan lại] tùy theo sức mạnh hay nhiệm vụ, hoặc bằng vàng, tiền hay gạo. Mỗi năm, vào tháng bảy, tiền thuế của các tỉnh được chuyên chở về triều rất là rầm rộ, long trọng. Vào dịp đó sẽ có lễ hội ở kinh đô trong một tháng, dân chúng ăn chơi, đốt pháo bông và đủ các loại trò vui khác.

Tư cách và phong tục

Người dân Nam Hà can trường, linh hoạt và chăm chỉ hơn người Ấn Độ. Họ yêu chuộng sự thật, và nếu biết đó là chân lý thì luôn luôn gắn bó với nó. Tuy họ nghèo nàn và dốt nát nhưng hết sức lễ độ với nhau và với người lạ. Họ coi trọng người Trung Hoa, vì họ học chữ Hán, gọi Trung Quốc là “*nhà đại Minh*” [Moedaiminh] tức vương quốc ánh sáng. Kể từ khi các nhà truyền giáo đến sống chung thì xem ra họ lại ngưỡng mộ người Âu châu. Nhà vua, hơn ai hết, rất thích họ [giáo sĩ Tây phương] và khuyến khích người Âu đến các cửa biển thường xuyên hơn để có dịp buôn bán. Người Nam Hà rất thích phụ nữ, tục đa thê được chấp nhận. Một người đàn ông thường có nhiều vợ miễn là có thể nuôi nổi, luật pháp cho họ nhiều quyền hành, với vợ cũng như với con cái.

Đàn bà phạm tội ngoại tình bị kết án cho voi dữ giày xéo. Đàn bà không kín đáo lắm, ở trần cho đến nửa thân trên, và họ thường tắm ở nơi công cộng, không khách sáo trước mắt mọi người. Về hình dáng, người Đàng Trong trông rất giống người Tàu, chỉ khác là da sẫm hơn: đàn bà rất đẹp và sáng láng. Quần áo họ mặc cũng tương tự như người Trung Hoa trước khi bị người Mãn Thanh xâm chiếm. Các quan lại có học ở Nam Hà thì ăn mặc theo lối Nhật [?].⁽⁷⁾ Họ để tóc dài và coi là rất quý, nhất là đàn bà, một số người để tóc đến tận đất.

Tôn giáo

Tôn giáo ở xứ này tương tự như ở Trung Hoa. Dân chúng thường xây chùa để thờ Phật [Fo-hi] và Chúa [Tchoua], các quan lại có học thì đến đền Khổng Tử, là bậc thầy của họ giống như người Trung Hoa. Hiện nay thì đạo Thiên Chúa được tự do nên đã đạt được nhiều tiến triển. Một số ông hoàng và quan nhất phẩm triều đình là tín đồ Gia Tô giáo. Chúng tôi ghi nhận khoảng chừng 60.000 người trong vương quốc này đã theo đạo Gia Tô.

Văn học

Việc học của người Đàng Trong chỉ bao gồm việc có thể đọc sách chữ Hán và thu thập những kiến thức luân lý mà sách đề cập [nói về *Tứ thư*, *Ngũ kinh* và các sách chữ Hán mà sĩ tử phải học]. Đây chính là kiến thức đủ để cho họ có thể làm quan.

Gỗ và rừng

Đàng Trong là một dãy núi dài, giữa các ngọn núi là các thung lũng và đồng bằng được canh tác kỹ lưỡng. Cao nguyên bỏ mặc cho hổ, voi và các loại dã thú. Những ngọn núi, tuy không ai trồng cấy gì nhưng đầy rừng cây và gỗ ở đây rất nhiều tiện ích. Người Đàng Trong lấy trong rừng nào gỗ hồng (rosewood), gỗ mun, gỗ lim, gỗ táu, quế, trầm hương nói chung là mọi thứ gỗ dùng làm nhà, đóng thuyền, bàn ghế như ở Ấn Độ cùng các loại gỗ để lấy hương liệu, nhựa... Một số dân địa phương còn cho tôi biết họ cũng kiếm được cả đinh hương trên núi ở đây.

Mỏ vàng

Người Đàng Trong lấy trong núi nhiều sản phẩm khác, chẳng hạn như mật ong, sáp, mây và nhựa vè. Họ cũng tìm được ngà voi và vàng với số lượng lớn. Các mỏ vàng thì rất nhiều, mỏ đáng kể nhất là ở tỉnh Chàm [tức Quảng Nam], tọa lạc tại Phunrae (?), nơi có thánh đường của các nhà truyền giáo người Pháp và một số đông đảo con chiên. Địa điểm này cách Faifo chừng 8 dặm. Những mỏ nổi tiếng khác ở tỉnh Nanlang (Nha Trang?). Tất cả mọi người, kể cả người ngoại quốc, đều được phép khai thác mỏ, và nếu như dân địa phương chịu khó đào chắc là nhiều vàng lắm nhưng lại chẳng có mấy người thích cách lao động này, còn những người đào mỏ thì lại chẳng biết chút gì về kỹ thuật khai thác khoáng sản.

Họ không bao giờ đào sâu hơn chiều cao của một người đàn ông. Tại nơi mà tôi được chứng kiến họ làm việc có những mảnh vàng ròng, hoàn toàn tách rời khỏi những chất tạp, nặng đến 2 onces [hơn 60 grams] vẫn thường kiếm thấy. Vàng ở đây, bao gồm bụi vàng và mảnh vụn được nấu thành từng bánh đem ra chợ bán như những loại hàng hóa khác. Theo giá của người Trung Hoa thì khoảng chừng 130 quan nhưng cũng có khi chỉ bán với giá 117 quan.

Ngoài ra còn có nhiều mỏ sắt, ở xứ này bán rất rẻ, cũng tìm thấy trên các ngọn núi.

Các sản phẩm khác của xứ này

Đất ở Đàng Trong, khi đã khai khẩn rồi thì cực kỳ màu mỡ, mỗi năm dân chúng thu hoạch hai vụ lúa, bán với giá rẻ mạt gần như cho không. Xứ này cũng có đủ các loại trái cây như ở Ấn Độ, chẳng hạn như dứa (thơm), xoài, chanh, cam và nhiều loại lạ lùng khác. Ngoài ra còn có rất nhiều tiêu, trâu và cau. Cau, ở một vài tỉnh là nguồn lợi chính của dân chúng, một số lớn bán cho người Trung Hoa đến để thu mua. Xứ này cũng rất nhiều bông sợi nhưng họ chưa biết cách dệt thành các loại vải tốt. Họ cũng trồng dâu để nuôi tằm, dệt được những loại vải thô, nhưng chưa làm được vải mịn. Lúa sống ở đây bán với giá rất đắt: một thước của Đàng Trong vào khoảng 200 quan. Còn đường của Đàng Trong phải nói là loại tốt nhất ở Ấn Độ và riêng món hàng này đã đem lại những món tiền khổng lồ từ các thương nhân Trung Hoa, buôn hàng từ Faifo sang Quảng Châu (Canton) và Nhật Bản, nơi đây họ bán được với giá ít ra là gấp bốn lần.

Loại tốt nhất bán với giá 4 quan một thước⁽⁸⁾ [Đàng Trong]. Những thứ đó hầu hết sản xuất tại tỉnh Chàm, gần Faifo. Người Đàng Trong cắt cây mía trước khi nó được ba tuổi, sau đó mỗi năm thu hoạch một lần vào mùa thu.

Không tìm thấy những cốc loại chúng ta trồng tại Âu châu ở Đàng Trong, ngoại trừ ngô [bắp] hay ngô Thổ Nhĩ Kỳ [Turkey corn]. Họ cũng không trồng lúa mì, lúa mạch, tiểu mạch và ngay cả đậu. Phải nói rằng số lượng rau cỏ dùng cho thực phẩm trồng trong vườn của chúng ta rất ít thấy, có lẽ bởi vì dân ở đây không giỏi về làm vườn.

Nông nghiệp

Người Đảng Trong chỉ dùng trâu để canh tác đất đai. Giống vật này khỏe hơn bò và thích hợp với bùn lầy trong những ruộng lúa. Họ cũng có rất nhiều bò nhưng nhỏ hơn, mảnh khảnh và chẳng dùng làm gì cả. Họ không nuôi cừu và các gian hàng bán thịt có rất ít thực phẩm. Để bù lại chỗ thiếu đó, họ nuôi rất nhiều gia cầm: gà, vịt, bồ câu bán với giá rẻ, còn thịt rừng thì đầy rẫy.

Dân ở đây không ăn cá, mặc dầu có rất nhiều cá ngon ở sông cũng như ở biển (?).

Thương mại

Về phương diện thương mại của xứ này thì chúng ta có thể thấy rằng người dân Đảng Trong không giàu mà cũng không quen với việc buôn bán. Việc ngoại thương dường như không có, ngoại trừ với người Trung Hoa và người Nhật Bản nhưng người Nhật thì từ 25 năm trước cũng không còn buôn bán ở đây nữa vì lãnh chúa nước họ cấm dân chúng ra nước ngoài. Việc cấm đoán đó ở Đảng Trong cũng áp dụng thành thử người dân Nam Hà đành phải chấp nhận những gì mà người Trung Hoa đem đến bán cho họ thôi.

Người Đảng Trong không lanh lợi được như người Tàu và vì thế người Trung Hoa dễ dàng lấn lướt dân bản xứ. Những mặt hàng người Trung Hoa đem đến bán thường là kềm [tutenag], các loại đồng thau, đỏ, trắng, vàng, trà, đồ sứ, các hàng vải thô, thuốc bắc đủ loại. Người Trung Hoa cũng bán nhiều giấy bản dùng để tống táng người chết, các loại hàng mã, giấy màu dùng cho chùa chiền và cúng tế, các loại màu, son và vải dày. Sommes, một loại thương thuyền Trung Hoa, đến từ Hoa Nam [Honang] chất đầy các loại đồ đất nung và đồ nhà bếp bán rất chạy và được giá. Những thuyền buôn này đi từ bờ biển phía đông của Trung Hoa, hay từ Hạ Môn [Emouy], hay Ninh Ba [Ning-po], cũng có khi đem cả hàng Nhật Bản mà họ bán lại rất có lời, nhất là đồng và lưỡi kiếm. Các thương thuyền đến từ bờ biển Cam bốt [Camboja] hay Xiêm mang theo đồng đã chế biến, thuốc, đậu khấu, da...

Hàng hóa mà người Trung Hoa mua lại của Đảng Trong gồm có vàng, ngà voi, gỗ quý, đường, cau, gỗ đóng tủ, xạ hương, tiêu, cá khô, tổ yến và các loại dược thảo mà họ kiếm được trên núi chẳng hạn như tê giác, kỳ nam... Người Tàu chở theo thuyền về nước vàng, đường và ngựa, giống vật này bán rất rẻ ở Đảng Trong.

Phương thức buôn bán của người Trung Hoa như sau:

Ngay khi người trong hải cảng trông thấy thuyền buôn của Trung Hoa, họ sẽ cho người ra hướng dẫn vào. Những khâm sai này đều là quan được lệnh luôn luôn túc trực để giúp đỡ người ngoại quốc. Sau khi thuyền đã neo lại, người chủ tàu cùng với một số đồng bọn sẽ lên bờ và trình lên cho triều đình một danh sách các hàng hóa, và những lễ vật dâng lên vua. Ở đây có tục lệ rằng mọi dịch vụ và khế ước đều mở đầu và kết thúc bằng lễ vật và việc mang theo những quà cáp được vua chúa ưa thích cực kỳ quan trọng.

Nếu nhà vua hài lòng, ngài có thể miễn thuế neo tàu, là một sắc thuế đáng kể, cao hay thấp tùy theo hàng hóa chất trên thuyền.

Người Trung Hoa đóng thuế 10% dựa theo luật thuế cũ theo giá của mọi sản phẩm nhập cảng vào xứ này. Sau khi từ triều quay về, viên chủ tàu sẽ dỡ hàng xuống, mang vào một kho chứa, nơi đây sẽ có quan đến xem xét và định mức thuế, xem có gì khác lạ, và có những món gì nhà vua và các quan đại thần ưa thích không.

Viên quan thuế vụ sẽ đưa ra một danh sách những gì họ [vua và đại thần] muốn mua và nếu trong số mặt hàng có những món nằm trong danh sách đó thì sẽ được để riêng, thương lượng giá cả và người chủ tàu phải chấp nhận rằng họ sẽ nhận được tiền trong khoảng hai, ba tháng tới.

Trước khi viên quan tuần ty đến xem, người chủ tàu không được quyền bán bất cứ món gì, y cũng phải thật chính xác và không được bỏ sót một món nào trong danh sách trình lên nhà vua. Nếu viên quan tuần này tìm thấy một món không đề cập đến trong danh sách thì hậu quả sẽ rất là tai hại.

Viên chủ tàu đương nhiên phải biếu viên quan và viên chánh khâm sai một số quà vì họ là những người quyền thế ở Đàng Trong, được gọi dưới tên Ông Lại Bộ Tàu [Onlaibotao]. Người Trung Hoa cũng bán các hàng hóa này cho một số quan lại, họ sẵn sàng trở thành lái buôn để mua với giá rẻ những món quý giá nhất. Đối với những món hàng ít quan trọng thì lại có đàn bà, vốn dĩ quen với việc thương mại, mỗi người mua một số hàng để kiếm chút lời phụ vào gia đình. Một thuyền trưởng Âu châu đến xứ này sẽ dễ dàng kiếm ra những nhà buôn theo đạo Thiên Chúa giàu có giúp đỡ họ.

Tiền và giá trị của vàng bạc

Hàng hóa ở Đàng Trong trả bằng vàng hay bạc nhưng thông thường hơn là bằng tiền đồng, loại tiền duy nhất dùng trong xứ này. Tiền đó xâu thành từng chuỗi như kiểu người Trung Hoa, mỗi chuỗi gồm sáu trăm đồng tương đương với một quan. Một quan chia ra thành mười tiền, mỗi tiền là sáu mươi đồng [kẽm]. Người Đàng Trong không phân chia thành số lẻ dưới giá trị một tiền. Dưới quan là đồng, trên quan là trử (chue), mỗi trử là mười quan hay sáu nghìn đồng. Một quan - tức một lượng (tael) của Đàng Trong chỉ có sáu đồng cân (mass) của Trung Hoa trong khi một đồng cân của Trung Hoa chỉ bằng 1/10 của lượng. Thành ra một lượng Trung Hoa tính ra bằng một quan, sáu tiền và bốn mươi đồng Nam Hà.

Vàng bạc cũng là hàng hóa nhưng có giá cố định, rẻ hay đắt là tùy theo số lượng hàng năm người Trung Hoa mang theo. Dân chúng Đàng Trong không quen thuộc với giá trị của đồng bạc (piastre) của chúng ta. Họ nấu chảy thành từng bánh, mỗi một đĩnh như vậy là mười lăm đồng, trước kia vẫn tương đương với khoảng hai mươi hai, hai mươi ba quan nhưng hiện thời thì chỉ bằng mười bảy đến hai chục quan.

Mang theo đồng bạc này đến Đàng Trong, người Trung Hoa kiếm lời bằng cách mà ở trong nước họ không có được vì nơi đây [tại Trung Hoa] một

đồng piastre chỉ đáng giá không quá 700 đồng kẽm, thế nhưng sang đến Đàng Trong thì một piastre tương đương với ít ra là 800 đồng.

Thành ra, nhiều khi họ mang theo bạc thay vì hàng hóa, hàng có thể khó tiêu thụ và lắm khi không được lời gì cả vì tiền lời không tùy thuộc nhiều vào hàng họ đem vào Đàng Trong mà ở hàng họ mua ra. Giá vàng lên xuống cũng trong cùng một cách ấy, nghĩa là tùy thuộc vào số lượng người mua. Vào thời điểm mà tàu buôn (sommers) Trung Hoa đến, vàng mua ở chợ không dưới một trăm ba mươi quan, đến lúc họ sắp đi, vàng lên đến mức một trăm năm mươi quan. Thế nhưng nếu mua vàng vào mùa đông, tức là giữa đầu tháng 6 [?] và cuối năm Âm lịch [lịch của người Đàng Trong], thời gian tương ứng với tháng 10, 11, và 12 cho đến tháng 3 năm sau, giá vàng có thể mua được với khoảng 110, hay có khi chỉ 100 quan. Những ai quen thuộc với xứ này có thể có cách mua với giá còn thấp hơn thế nữa.

Hệ thống cân đo

Thước đo của người Đàng Trong, để mua và bán, dài khoảng chừng 2 pieds de roi⁽⁹⁾ của Pháp. Một thước (thia) như thế ngắn hơn một nửa aune⁽¹⁰⁾ chừng 1/2 pouce,⁽¹¹⁾ và dài hơn 1 cove của Tàu độ 6 pontes 4 condorins.⁽¹²⁾ Ngoài ra họ không có đồ đo lường nào khác ngoài đồ để đong gạo mà người nghèo thường dùng. Một đấu vào khoảng sáu cân [livre] Đàng Trong. Một cân của họ nặng hơn cân của chúng ta chừng 14 onces, hơn cân Tàu chừng 10 onces, mà một cân Tàu tương đương với 20 onces của Pháp. Do đó một cân Đàng Trong tương đương với 30 onces Pháp.⁽¹³⁾

Tại quốc gia này, có một số hàng hóa, chẳng hạn như ngà voi hay trầm hương bị cấm, và chỉ có nhà vua mới có quyền bán mà thôi. Muốn mua hai món này thì phải mua của triều đình còn như mua của người ngoài thì có nguy cơ bị trừng trị. Tất cả mọi loại hàng hóa, dù mua của triều đình hay của dân dã cũng được miễn thuế. Khách thương vì thế có thể mang trên thuyền khi nào và cách nào cũng được.

Hải cảng

Có vài hải cảng ở Đàng Trong, cửa biển đáng kể nhất là nơi mà dân ở đó gọi là Hội An (Hoyan), còn người Bồ Đào Nha thì gọi là Faifo. Cửa biển đó ở tỉnh Chàm [Quảng Nam], vĩ tuyến 16, cách cung vua vài ngày đường. Cửa biển này có nước khá sâu, tàu bè có thể bỏ neo rất an toàn. Nơi đây rất thuận tiện cho khách thương vì thuyền có thể đậu gần các nhà kho. Lối vào là một cửa sông rộng chảy từ Lào xuống, chảy ngang tỉnh Chàm rất thuận tiện. Faifo là nơi buôn bán thịnh vượng nhất Đàng Trong, nơi đây có chừng sáu nghìn người Trung Hoa, là những con buôn giàu có nhất, cũng lập gia đình tại đây và quy thuận nhà chúa.

Ở đây có hai giáo đường, một nhà thờ của người Jesuits Bồ Đào Nha, một của người Franciscans Tây Ban Nha. Viên trấn thủ tỉnh này ở một nơi cách chừng một dặm, tại một vùng tên là Reta [?], nằm trên bờ sông là nơi mà những nhà truyền giáo người Pháp có một nhà thờ. Thương nhân đến

Faifo luôn luôn kiếm được nhà kho để mướn, kho hàng lớn nhất giá vào khoảng 100 piastres cho một vụ buôn.

Trong tỉnh Qui nhơn (Quinhin) có một cửa biển khác tên là Nước Mặn (Nuoeman), có nghĩa là Vũng Nước Muối. Cửa biển này an toàn, nhiều tàu buôn ra vào nhưng không đông như ở Faifo. Nơi đó cũng không thuận tiện bằng vì cách hoàng cung vài ngày, nơi mà thuyền trưởng cứ phải ra vào luôn. Tuy nhiên, cửa biển này cũng thuận tiện cho tàu nào muốn mua lụa hay cau vì đây là hai sản phẩm có ở tỉnh này.

Ngoài ra cũng còn một vài cửa biển nhỏ khác, nhất là ở Nanlang [Nha Trang (?)] nhưng không được an toàn hay đủ sâu để cho tàu lớn vào được. Người Trung Hoa không ai đến các hải cảng này vì lẽ ở xa triều đình.

Thương vụ người Âu châu có thể thực hiện ở Đàng Trong

Nói về các dịch vụ thương mại mà người Âu châu có thể tiến hành ở Đàng Trong thì tốt nhất là xem lại các số liệu cũ, các loại hàng nào có thể đem bán ở đây, dù là để mang sang Trung Hoa và bờ biển Ấn Độ hay ngay cả sang Âu châu. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng những hàng hóa vẫn được mang đến. Về những hàng hóa này, những nhận định sau đây có thể hữu ích.

Người dân Đàng Trong rất chuộng những hàng hóa mang từ Âu châu. Nhiều món ở Pháp chẳng giá trị bao nhiêu lại được dân bản xứ đánh giá cao, chẳng hạn như đồ chơi, đồ thủy tinh, những hàng lát vật, nhất là có màu đỏ thì sẽ bán rất chạy ở Đàng Trong. Tất cả các loại vũ khí chế tạo ở Âu châu, nhất là lưỡi kiếm làm theo kiểu của quốc gia này [tức Đàng Trong], các loại nữ trang, từ kim cương đến pha lê thường, đều được nhà chúa và các đại thần mua với giá cao. Những quan lại thường mua đồ vàng hay bạc, và thường bán một lời một, nhưng cũng đừng nên mang nhiều các loại sản phẩm này. Đồng cũng có thể bán được ở Đàng Trong ít nhất cũng 4 quan một thước Tàu (?), theo ý tôi như thế cũng có lời. Lưu huỳnh (sulfur) cũng bán được với giá cao nên cũng có thể mang theo và canh ki na là một thứ người Đàng Trong rất quen thuộc, sâm Gia Nã Đại, các loại dược thảo và thuốc của Âu châu.

Chúng ta cũng có nhiều sản phẩm khác của Pháp, quá đắt đối với dân ở đây nhưng đem một số lượng nhỏ thì bán rất có lời, chẳng hạn như lụa Lyons có thêu bằng chỉ vàng hay bạc mà người Đàng Trong dùng để may túi đựng trà và thuốc hút vì họ rất thích có được vài cái túi trang trí sắc sảo. Cũng có thể mang đến Đàng Trong một số vải đỏ, các loại thảm giả theo kiểu Ba Tư và một ít vải do Anh quốc sản xuất. Về phần đồ chơi, đừng quên mang một số vòng đeo tay và hoa tai bằng vàng giả.

Có rất nhiều thứ khác có thể đem đến buôn bán ở xứ này; nhưng những ai có kinh nghiệm thì sẽ biết ngay loại hàng nào được ưa chuộng nhất. Nếu như người Tây phương mang vài chiếc thuyền chở đầy các vật dụng họ sẽ biết ngay loại hàng hóa nào thích hợp với thị trường Nam Hà.

Nếu như thương nhân Âu châu dong thuyền đến Đàng Trong thì họ phải - như tôi chứng kiến - đem một số quà biếu nhà vua, nếu không tàu buôn

của họ sẽ bị bạc đãi. Quà biếu làm quốc vương ở đây vui lòng nhất thường là gương soi, đồng hồ, nữ trang, lụa thêu, đồ pha lê, các loại kính quang học chẳng hạn như viễn vọng kính, đèn, ống..., những đồ máy móc tinh xảo, đàn, thảm thêu... Những loại hàng này hoàng gia Nam Hà ưa chuộng lắm vì nhà vua rất tò mò và có óc thưởng ngoạn cao. Ngài rất thích đồ do Âu châu chế tạo và chuộng những món để giải trí.

Quà biếu các quan thì cũng cùng loại nhưng giá trị ít hơn và phải phân phối cho thích đáng với phẩm tước và các quan cùng đẳng trật phải được quà ngang nhau nếu không sẽ gây ra hiềm thù rất nguy hiểm.

Ngoài những lợi ích mà các thuộc địa của Pháp có thể có được khi buôn bán với Đàng Trong, chúng ta cũng có thể mua hàng từ đây đem sang bán ở các vùng duyên hải Ấn Độ hay Trung Hoa, vì những ai quen thuộc với nhu cầu của thuộc địa có thể kiếm thấy những loại hàng cần thiết mà lại dồi dào, có giá và thích đáng hơn. Họ cũng có thể mượn người làm trong các nhà máy đường hay tơ lụa, làm thợ mộc và các loại nhân công khác. Việc này là một vấn đề cực kỳ quan trọng đáng quan tâm.

Trong miêu tả ngắn ngủi này tôi không dám nói là đã hiểu đầy đủ về xứ Đàng Trong. Tôi mong rằng đã nói lướt qua được những gì quan trọng nhất cần đề cập để nhấn mạnh rằng việc thiết lập giao thương với xứ Đàng Trong xa xôi này là một điều thiết thực.

N D C

CHÚ THÍCH

- (1) *Bibliographie des Voyages dans L'Indochine Française du IX^e au XIX^e Siècle*, do Lenox Hill Pub. & Dist. Co, New York ấn hành năm 1910 và được Burt Franklin, New York in lại theo dạng chụp ảnh năm 1970.
- (2) Nguyên tác Cochinchina là tên người Âu châu gọi vùng Đàng Trong của nước ta. Tuy nhiên trong sách vở chữ này có thể được dùng để chỉ nhiều khu vực khác nhau, có khi chỉ hạn hẹp nói về đất Nam Kỳ, có khi để chỉ một vương quốc dưới quyền cai trị của chúa Nguyễn, có khi lại chỉ cả nước Việt Nam. Theo nhiều tác giả Cochinchina có thể bắt nguồn từ nước "Giao Chỉ", tên cũ của nước ta đời Hán. Đến thế kỷ XVI, khi thương nhân người Nhật đến Hội An (Faifo) và Cửa Hàn (Đà Nẵng) thì họ gọi người dân bản xứ là "Coci". Người Bồ Đào Nha cũng theo chân vào buôn bán, gọi người dân là Cochi hay Cochinchina. Để khỏi nhầm với đất Cochin ở Ấn Độ, họ thêm chữ "Cina" để cho biết đây là xứ Cochin ở gần Trung Hoa và thành Cochinchina.
Trong sách vở, tên này được ghi với nhiều cách khác nhau như Cochinchina, Chochinchina, Cocinchine, Caucicina, Cauchichina, Cauchj China, Cauchinchina, Coccincina, Concincina, Cauchenchina, Cachenchina, Cocamchina, Canchimchyna, Quachymchyna, Quamcymchyna, Eochijchina... Về tiếng Việt, ngoài từ Đàng Trong, chúng ta còn gọi là Xứ Quảng, Xứ Nam, Nam Hà, Miền Nam... Những chi tiết này chúng tôi dựa theo Peter C. Phan, *Mission and Catechesis: Alexandre de Rhodes & Inculturation in Seventeenth-Century Vietnam*, New York: Orbis Books, 2005, tr. 7, chú thích 5.
- (3) Nguyên tác tiếng Pháp là lieue. Vào giữa thế kỷ XVIII, 1 dặm Pháp có độ dài linh động tùy theo tên gọi có thể ngắn [lieue de Beauce, 3.291m] hay dài [lieue de Gastogne, 5.846m]... nên không rõ tác giả dùng đơn vị nào. Có lẽ Rochon dùng là lieue de Paris, khi ấy được coi như tiêu chuẩn, dài 3.932m.

- (4) Có thể là Tổng đốc và dịch ra tiếng Anh là Viceroy.
- (5) Đây là chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Tác giả nhằm, chúa Nguyễn Phúc Khoát là vị chúa thứ 8. Chi tiết này cho biết thời điểm tác giả đến Đàng Trong.
- (6) *Đại Nam thực lục* [quyển X] chép rằng: *Giáp Tý, năm thứ 6 [1744], mùa hạ, tháng 4. Bấy giờ có điềm tốt cây sung nở hoa, bầy tôi là bọn Nguyễn Đăng Thịnh dâng biểu xin chúa lên ngôi vương... Chúa nhún nhường không chịu nhận. Bầy tôi hai ba lần nài xin, chúa mới theo. Ngày Canh Tuất, đức ấn quốc vương... Ngày Kỷ Mùi, chúa lên ngôi vua ở phủ chính Phú Xuân...*
- (7) Có lẽ vì thấy quan lại Đàng Trong mặc áo thụng, rộng tay nên người Âu châu tưởng rằng ăn mặc theo kiểu Nhật.
- (8) Câu này hơi tối nghĩa, theo nguyên tác "...*Le sucre le plus beau se vend 4 quans le pied Cochinchinois; il se phait presque tout dans la province de Cham, près de Faiso...*" (bản Pháp văn tr. 300), và "...*The Cochinchinefe fugar is undoubtedly the fineft in India, and this article alone brings immente fums from the Chinefe merchants, who carry cargoes of it from Faifo to Canton and Japan, where they gain at least four hundred per cent by it. The beft is fold for four quans the Cochinchinefe foot...*" [Tiếng Anh vào thế kỷ 17, 18 trở về trước chữ s viết thành chữ f trong các văn bản - NDC] (bản tiếng Anh tr. 300). Đường sao lại bán theo thước [pied hay foot] là thế nào? Có lẽ tác giả muốn nói đến một tạ là 100 cân [khoảng 60kg] chẳng?
- (9) Đơn vị đo của Pháp hồi thế kỷ XVIII, 1 pied de roi dài 324,84mm, hay 12 pouces = 1.728 lignes, còn gọi là pied de Paris, dài hơn 1 foot [304,8mm] của người Anh một chút.
- (10) Một aune, đơn vị đo của Pháp thời đó là 1.188,45mm. Như vậy một thước ta khoảng gần 0,6m.
- (11) Đơn vị đo của Pháp, chừng 2,7cm. Vì không biết chính xác các đơn vị đo lường Rochon dùng, chúng ta chỉ có thể ước tính một cách tổng quát.
- (12) Đồi Thanh, một thước [尺 - xích] dùng trong xây cất dài 32cm, đo ruộng dài 34,5cm, đo quần áo dài 35,5cm (Thượng Hải: *Trung Quốc lịch sử đại từ điển*, quyển hạ, 2000, tr. 3.459). Không biết tác giả có sử dụng những số liệu này hay không?
- (13) 1 once của Pháp khi đó là 30,6 grams, như vậy 1 cân Đàng Trong vào khoảng 918 grams (30,6 x 30). Một livre (cân Pháp) là 16 onces, khoảng 490 grams (30,6 x 16). Một cân Tàu vào khoảng 612 grams (30,6 x 20).

TÓM TẮT

Vào thế kỷ XVII, khi người Âu châu đi tìm các vùng đất lạ để mua nguyên liệu và bán sản phẩm, họ thấy Đàng Trong là một khu vực có nhiều tiềm năng. Đây là tường thuật của một học giả người Pháp khi đến nước ta [dưới triều chúa Nguyễn Phúc Khoát], với những ghi nhận về sinh hoạt quân sự, chính trị, xã hội và nhân văn của Nam Hà. Những điều mắt thấy tai nghe của những người đi tiên phong đến Đông Nam Á đã trở thành tài liệu căn bản cho việc hoạch định những chủ trương về thương mại và ngoại giao ở những thời kỳ kế tiếp. Tuy chỉ là một báo cáo giản lược - và có nhiều điều không chính xác - nhưng cũng nói lên được tầm quan trọng của Đàng Trong trong mục tiêu bành trướng của các quốc gia tư bản.

ABSTRACT

THE COCHINCHINA OF THE NGUYỄN LORDS' PERIOD

In the 17th century, while Europeans travelled about to search for unknown land for their purchase of production material and sales of their output, they found that the then Cochinchina possessed great potential... This realization is embodied in a report written by a French scholar when he visited our nation [in the time of Lord Nguyễn Phúc Khoát's reign], with his notices on military, political, social and cultural activities of the South. The foreign pioneers' first-hand knowledge of Southeast Asia became the fundamental guideline for the planning of commercial and diplomatic policies in the years to follow. Though it is only a concise report (and many details are not exact) it gets to bring out the important role Cochinchina might play in the expansionist objectives of the capital nations.